

甄選編號	班別	姓名(中文)	姓名(英文)	性別
B3-T001	B3	顏嘉宇	Ambrose	m
B3-T002	B3	吳祉樂	Astin Ng	m
B3-T003	B3	蔡柏軒	Bevis	m
B3-T004	B3	陳彥林	Chan Yin Lam	m
B3-T005	B3	鄭卓林	Cheng Cheuk Lam	m
B3-T006	B3	張正	Cheung Jing	m
B3-T007	B3	張品浩	Cheung Pan Ho	m
B3-T008	B3	張子熙	Cheung Tsz Hei	m
B3-T009	B3	趙子進	Chiu Tsz Chun	m
B3-T010	B3	蔡赫臣	Choi Hudson Alessandro	m
B3-T011	B3	蔡博宇	Choi Pok Yu Jacob	m
B3-T012	B3	徐梓軒	Chui Riley	m
B3-T013	B3	葉宸宇	Eason Ye	m
B3-T014	B3	馮立言	Fung Lap Yin	m
B3-T015	B3	馮琛嶠	Fung Sum Yin	m
B3-T016	B3	高睿鎔	Gao Ruikai	m
B3-T017	B3	何澄謙	Ho Ching Him	m
B3-T018	B3	何樂天	Ho Marcus Lok Tin	m
B3-T019	B3	何天藍	Ho Moses Tin Lam	m
B3-T020	B3	何梓駿	Ho Tsz Chun	m
B3-T021	B3	何梓謙	Ho Tsz Him	m
B3-T022	B3	侯治華	Hou Zhihua	m
B3-T023	B3	黃展翔	Huang Chin Cheung Arthur	m
B3-T024	B3	黃啟翔	Huang Kai Cheung Morgan	m
B3-T025	B3	黃君翔	Huang Kwan Cheung Julian	m
B3-T026	B3	許偉俊	Hui Wai Chun	m
B3-T027	B3		Jacob Penuel Bides Quinsay	m
B3-T028	B3	何顥森	Kason Ho	m
B3-T029	B3	林俊希	Kim Chun Hei	m
B3-T030	B3	高家熙	Ko Kahei	m

2025-26青苗第一階段甄選名單

B3

甄選編號	班別	姓名(中文)	姓名(英文)	性別
B3-T031	B3	顧子弘	Ku Tsz Wang Sean	m
B3-T032	B3	黎俊諾	Lai Chun Lok	m
B3-T033	B3	林彥甫	Lam Yin Po	m
B3-T034	B3	羅靖喬	Law Ching Kiu Madis	m
B3-T035	B3	羅諾希	Law Nok Hei	m
B3-T036	B3	李志宏	Lee Chi Wang	m
B3-T037	B3	李壘軒	Lee Long Hin	m
B3-T038	B3	李梓朗	Lee Tsz Long	m
B3-T039	B3	李東憲	Lee Tung Hin	m
B3-T040	B3	梁傲龍	Leung Ngo Lung Markus	m
B3-T041	B3	梁翱信	Leung Ngou Shun	m
B3-T042	B3	梁天諾	Leung Tin Nok	m
B3-T043	B3	梁竣瀛	Leung Tsun Ying, Harris	m
B3-T044	B3	李梓赫	Li Zihe	m
B3-T045	B3	連峻賢	Lin Chun Yin	m
B3-T046	B3	盧彥臻	Lo In Jun	m
B3-T047	B3	雷曉逸	Lui Hiu Yat	m
B3-T048	B3	呂栢賢	Lui Pak Yin	m
B3-T049	B3	陸弘封	Luk Wang Fung	m
B3-T050	B3	莫晞楠	Mok Hei Nam Hansel	m
B3-T051	B3	吳旻濤	Ng Desmond	m
B3-T052	B3	吳韋廷	Ng Wai Ting	m
B3-T053	B3	韓傲	Owen Hon	m
B3-T054	B3	白恩承	Peh Yan Shing Kahill	m
B3-T055	B3	蘇熙舜	So Hei Shun Henson	m
B3-T056	B3	譚傲天	Tam Jaden	m
B3-T057	B3	譚逸浹	Tam Yat Hei	m
B3-T058	B3	鄧國旭	Tang Kwok Yuk Dexter	m
B3-T059	B3	曾彥朗	Tsang Yin Long	m
B3-T060	B3	曾子城	Tseng Tsz Shing	m

甄選編號	班別	姓名(中文)	姓名(英文)	性別
B3-T061	B3	尹智民	Wan Chi Man	m
B3-T062	B3	溫諾熙	Wan Nok Hei	m
B3-T063	B3	王鴻超	Wang Hongchao Jayden	m
B3-T064	B3	王樹山	Wang Shushan	m
B3-T065	B3	王英杰	Wang Yingjie	m
B3-T066	B3	黃俊禧	Wong Chun Hei	m
B3-T067	B3	黃冠穎	Wong Kwun Wing	m
B3-T068	B3	黃禮汎	Wong Lai Shun	m
B3-T069	B3	黃柏晉	Wong Pak Chun	m
B3-T070	B3	王丞譽	Wong Shing Yu	m
B3-T071	B3	黃浚狄	Wong Tsuntik	m
B3-T072	B3	黃穎浚	Wong Wing Tsun	m
B3-T073	B3	奚嘉霖	Xi Jaco Jia Shen	m
B3-T074	B3	許程煒	Xu Cheng Wei	m
B3-T075	B3	楊正朗	Yeung Ching Long	m
B3-T076	B3	楊正堯	Yeung Ching Yiu	m
B3-T077	B3	楊承晉	Yeung Shing Chun	m
B3-T078	B3	楊溢	Yeung Yat	m
B3-T079	B3	袁浩銘	Yuan Haoming	m
B3-T080	B3	張晉文	Zhang Jinwen	m